

Số: /QĐ-SNV

Hải Phòng, ngày tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai phân bổ và giao bổ sung dự toán NSNN năm 2025
Kinh phí thực hiện pháp lệnh ưu đãi người có công (lần 2)**

GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 59/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 23211/QĐ-SNV ngày 06/10/2025 của Sở Nội vụ về việc phân bổ và giao bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 - Thực hiện Pháp lệnh ưu đãi Người có công với cách mạng (lần 2);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 - Kinh phí thực hiện pháp lệnh ưu đãi người có công (lần 2) theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các phòng, ban và đơn vị thuộc Sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- UBND thành phố;
- Cổng thông tin điện tử Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

Vũ Tiến Phụng

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

SỞ NỘI VỤ

TỔNG HỢP

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH NSNN NĂM 2025

Chương 035

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNV ngày /10/2025 của Sở Nội vụ thành phố Hải Phòng)

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên đơn vị	Mã số ĐVSDNS	Địa điểm KBNN nơi đơn vị SDNS giao dịch	Mã KBNN	Kinh phí
I	DỰ TOÁN PHÂN BỐ THEO QĐ 23211/QĐ-SNV NGÀY 06/10/2025				82.082.530.100
1	Phòng Văn hóa - Xã hội phường Thủy Nguyên	1144571	Phòng Giao dịch số 2 - KBNN Khu vực III	0070	440.000.000
2	Phòng Văn hóa - Xã hội phường Thiên Hương	1144570	Phòng Giao dịch số 2 - KBNN Khu vực III	0070	1.918.530.300
3	Phòng Văn hóa - Xã hội phường Hòa Bình	1144569	Phòng Giao dịch số 2 - KBNN Khu vực III	0070	281.200.000
4	Văn phòng HĐND - UBND phường Nam Triệu	1144232	Phòng Giao dịch số 2 - KBNN Khu vực III	0070	423.310.100
5	Phòng Văn hóa - Xã hội phường Bạch Đằng	1144567	Phòng Giao dịch số 2 - KBNN Khu vực III	0070	327.250.000
6	Phòng Văn hóa - Xã hội phường Lưu Kiếm	1144566	Phòng Giao dịch số 2 - KBNN Khu vực III	0070	409.130.500
7	Phòng Văn hóa - Xã hội phường Lê Ích Mộc	1144565	Phòng Giao dịch số 2 - KBNN Khu vực III	0070	375.900.000
8	Phòng Văn hóa - Xã hội phường Hồng Bàng	1144586	KBNN Khu vực III	0061	1.124.555.000
9	Phòng Văn hóa - Xã hội phường Hồng An	1144585	KBNN Khu vực III	0061	855.632.700
10	Phòng Văn hóa - Xã hội phường Ngô Quyền	1144133	KBNN Khu vực III	0061	787.585.800
11	Phòng Văn hóa - Xã hội phường Gia Viên	1144582	KBNN Khu vực III	0061	887.006.000
12	Phòng Văn hóa - Xã hội phường Lê Chân	1144584	Phòng Giao dịch số 1 - KBNN Khu vực III	0064	959.000.000
13	Phòng Văn hóa - Xã hội phường An Biên	1144583	Phòng Giao dịch số 1 - KBNN Khu vực III	0064	824.201.000
14	Phòng Văn hóa - Xã hội phường Hải An	1144581	KBNN Khu vực III	0061	902.812.800
15	Phòng Văn hóa - Xã hội phường Đông Hải	1144129	KBNN Khu vực III	0061	472.376.000
16	Phòng Văn hóa - Xã hội phường Kiến An	1144580	KBNN Khu vực III	0061	243.585.800
17	Phòng Văn hóa - Xã hội phường Phù Liễn	1144579	KBNN Khu vực III	0061	735.646.400
18	Phòng Văn hóa - Xã hội phường Nam Đồ Sơn	1144577	Phòng Giao dịch số 3 - KBNN Khu vực III	0072	548.296.500
19	Phòng Văn hóa - Xã hội phường Đồ Sơn	1144578	Phòng Giao dịch số 3 - KBNN Khu vực III	0072	355.323.200
20	Phòng Văn hóa - Xã hội phường Hưng Đạo	1144575	KBNN Khu vực III	0061	473.767.600

TT	Tên đơn vị	Mã số ĐVSDNS	Địa điểm KBNN nơi đơn vị SDNS giao dịch	Mã KBNN	Kinh phí
21	Phòng Văn hóa - Xã hội phường Dương Kinh	1144576	KBNN Khu vực III	0061	361.934.300
22	Phòng Văn hóa - Xã hội phường An Dương	1144574	KBNN Khu vực III	0061	994.267.500
23	Phòng Văn hóa - Xã hội phường An Hải	1144573	KBNN Khu vực III	0061	530.868.600
24	Phòng Văn hóa - Xã hội phường An Phong	1144572	KBNN Khu vực III	0061	507.686.800
25	Phòng Văn hóa - Xã hội xã An Hưng	1144551	Phòng Giao dịch số 4 - KBNN Khu vực III	0071	338.000.000
26	Phòng Văn hóa - Xã hội xã An Khánh	1144550	Phòng Giao dịch số 4 - KBNN Khu vực III	0071	367.000.000
27	Phòng Văn hóa - Xã hội xã An Quang	1144549	Phòng Giao dịch số 4 - KBNN Khu vực III	0071	351.000.000
28	Phòng Văn hóa - Xã hội xã An Trường	1144548	Phòng Giao dịch số 4 - KBNN Khu vực III	0071	242.040.400
29	Phòng Văn hóa - Xã hội xã An Lão	1144552	Phòng Giao dịch số 4 - KBNN Khu vực III	0071	559.000.000
30	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Kiến Thụy	1144563	Phòng Giao dịch số 3 - KBNN Khu vực III	0072	442.000.000
31	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Kiến Minh	1144562	Phòng Giao dịch số 3 - KBNN Khu vực III	0072	206.000.000
32	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Kiến Hải	1144561	Phòng Giao dịch số 3 - KBNN Khu vực III	0072	479.020.200
33	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Kiến Hưng	1144560	Phòng Giao dịch số 3 - KBNN Khu vực III	0072	301.000.000
34	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Nghi Dương	1144559	Phòng Giao dịch số 3 - KBNN Khu vực III	0072	451.000.000
35	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Quyết Thắng	1144557	Phòng Giao dịch số 4 - KBNN Khu vực III	0071	241.000.000
36	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Tiên Lãng	1144558	Phòng Giao dịch số 4 - KBNN Khu vực III	0071	588.000.000
37	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Tân Minh	1144556	Phòng Giao dịch số 4 - KBNN Khu vực III	0071	405.510.100
38	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Tiên Minh	1144555	Phòng Giao dịch số 4 - KBNN Khu vực III	0071	489.000.000
39	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Chấn Hưng	1144554	Phòng Giao dịch số 4 - KBNN Khu vực III	0071	1.312.000.000
40	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Hùng Thắng	1144553	Phòng Giao dịch số 4 - KBNN Khu vực III	0071	306.020.200
41	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Vĩnh Bảo	1144547	Phòng Giao dịch số 4 - KBNN Khu vực III	0071	1.979.800.000
42	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Nguyễn Bình Khiêm	1144546	Phòng Giao dịch số 4 - KBNN Khu vực III	0071	442.830.000
43	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Vĩnh Am	1144545	Phòng Giao dịch số 4 - KBNN Khu vực III	0071	614.850.000
44	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Vĩnh Hải	1144544	Phòng Giao dịch số 4 - KBNN Khu vực III	0071	1.536.430.000
45	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Vĩnh Hòa	1144543	Phòng Giao dịch số 4 - KBNN Khu vực III	0071	493.150.000
46	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Vĩnh Thịnh	1144542	Phòng Giao dịch số 4 - KBNN Khu vực III	0071	467.000.000
47	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Vĩnh Thuận	1144541	Phòng Giao dịch số 4 - KBNN Khu vực III	0071	1.113.900.000
48	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Việt Khê	1144564	Phòng Giao dịch số 2 - KBNN Khu vực III	0070	173.710.000

TT	Tên đơn vị	Mã số ĐVSDNS	Địa điểm KBNN nơi đơn vị SDNS giao dịch	Mã KBNN	Kinh phí
49	Phòng Văn hóa - Xã hội đặc khu Cát Hải	1144540	Phòng Giao dịch số 2 - KBNN Khu vực III	0070	238.170.000
50	Văn phòng HĐND - UBND phường Hải Dương	1144309	Phòng Giao dịch số 5 - KBNN Khu vực III	0077	461.202.000
51	Phòng Văn hóa - Xã hội phường Lê Thanh Nghị	1144859	Phòng Giao dịch số 5 - KBNN Khu vực III	0077	729.590.900
52	Văn phòng HĐND - UBND phường Việt Hòa	1144307	Phòng Giao dịch số 5 - KBNN Khu vực III	0077	443.020.200
53	Văn phòng HĐND - UBND phường Thành Đông	1144306	Phòng Giao dịch số 5 - KBNN Khu vực III	0077	452.510.100
54	Văn phòng HĐND - UBND phường Nam Đồng	1144305	Phòng Giao dịch số 5 - KBNN Khu vực III	0077	348.040.400
55	Văn phòng HĐND - UBND phường Tân Hưng	1144304	Phòng Giao dịch số 5 - KBNN Khu vực III	0077	521.530.300
56	Văn phòng HĐND - UBND phường Thạch Khôi	1144303	Phòng Giao dịch số 5 - KBNN Khu vực III	0077	298.060.600
57	Văn phòng HĐND - UBND phường Tứ Minh	1144302	Phòng Giao dịch số 5 - KBNN Khu vực III	0077	229.101.000
58	Văn phòng HĐND - UBND phường Ái Quốc	1144301	Phòng Giao dịch số 5 - KBNN Khu vực III	0077	588.707.000
59	Phòng Văn hóa - Xã hội phường Chu Văn An	1144851	Phòng Giao dịch số 8 - KBNN Khu vực III	0080	2.878.808.000
60	Phòng Văn hóa - Xã hội phường Chí Linh	1144850	Phòng Giao dịch số 8 - KBNN Khu vực III	0080	386.313.000
61	Phòng Văn hóa - Xã hội phường Trần Hưng Đạo	1144697	Phòng Giao dịch số 8 - KBNN Khu vực III	0080	579.356.500
62	Phòng Văn hóa - Xã hội phường Nguyễn Trãi	1144848	Phòng Giao dịch số 8 - KBNN Khu vực III	0080	162.161.600
63	Phòng Văn hóa - Xã hội phường Trần Nhân Tông	1144847	Phòng Giao dịch số 8 - KBNN Khu vực III	0080	332.343.400
64	Phòng Văn hóa - Xã hội phường Lê Đại Hành	1144846	Phòng Giao dịch số 8 - KBNN Khu vực III	0080	206.651.500
65	Phòng Văn hóa - Xã hội phường Kinh Môn	1144845	Phòng Giao dịch số 9 - KBNN Khu vực III	0081	99.570.700
66	Phòng Văn hóa - Xã hội phường Nguyễn Đại Nãi	1144844	Phòng Giao dịch số 9 - KBNN Khu vực III	0081	132.590.900
67	Văn phòng HĐND - UBND phường Trần Liễu	1144292	Phòng Giao dịch số 9 - KBNN Khu vực III	0081	338.752.500
68	Phòng Văn hóa - Xã hội phường Bắc An Phụ	1144842	Phòng Giao dịch số 9 - KBNN Khu vực III	0081	332.631.300
69	Văn phòng HĐND - UBND phường Phạm Sư Mạnh	1144290	Phòng Giao dịch số 9 - KBNN Khu vực III	0081	313.141.400
70	Phòng Văn hóa - Xã hội phường Nhị Chiểu	1144840	Phòng Giao dịch số 9 - KBNN Khu vực III	0081	680.181.800
71	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Nam An Phụ	1144839	Phòng Giao dịch số 9 - KBNN Khu vực III	0081	437.055.500
72	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Nam Sách	1144838	Phòng Giao dịch số 6 - KBNN Khu vực III	0078	441.404.000
73	Văn phòng HĐND - UBND xã Thái Tân	1144286	Phòng Giao dịch số 6 - KBNN Khu vực III	0078	190.873.700
74	Văn phòng HĐND - UBND xã Hợp Tiến	1144284	Phòng Giao dịch số 6 - KBNN Khu vực III	0078	220.813.100
75	Văn phòng HĐND - UBND xã Trần Phú	1144285	Phòng Giao dịch số 6 - KBNN Khu vực III	0078	703.747.400

TT	Tên đơn vị	Mã số ĐVSDNS	Địa điểm KBNN nơi đơn vị SDNS giao dịch	Mã KBNN	Kinh phí
76	Văn phòng HĐND - UBND xã An Phú	1144283	Phòng Giao dịch số 6 - KBNN Khu vực III	0078	1.476.893.900
77	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Thanh Hà	1144833	Phòng Giao dịch số 6 - KBNN Khu vực III	0078	473.994.900
78	Văn phòng HĐND - UBND xã Hà Tây	1144281	Phòng Giao dịch số 6 - KBNN Khu vực III	0078	576.323.200
79	Văn phòng HĐND - UBND xã Hà Bắc	1144280	Phòng Giao dịch số 6 - KBNN Khu vực III	0078	483.954.500
80	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Hà Nam	1144830	Phòng Giao dịch số 6 - KBNN Khu vực III	0078	463.982.000
81	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Hà Đông	1144829	Phòng Giao dịch số 6 - KBNN Khu vực III	0078	500.202.000
82	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Cẩm Giang	1144826	Phòng Giao dịch số 7 - KBNN Khu vực III	0079	429.651.500
83	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Tuệ Tĩnh	1144825	Phòng Giao dịch số 7 - KBNN Khu vực III	0079	567.792.900
84	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Mao Điền	1144828	Phòng Giao dịch số 7 - KBNN Khu vực III	0079	451.000.000
85	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Cẩm Giàng	1144827	Phòng Giao dịch số 7 - KBNN Khu vực III	0079	412.671.700
86	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Kê Sắt	1144824	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN Khu vực III	0082	469.303.000
87	Văn phòng HĐND - UBND xã Bình Giang	1144272	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN Khu vực III	0082	408.752.500
88	Văn phòng HĐND - UBND Đường An	1144271	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN Khu vực III	0082	554.404.000
89	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Thượng Hồng	1144821	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN Khu vực III	0082	138.530.300
90	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Gia Lộc	1144820	Phòng Giao dịch số 7 - KBNN Khu vực III	0079	760.853.500
91	Văn phòng HĐND - UBND xã Yết Kiêu	1144265	Phòng Giao dịch số 7 - KBNN Khu vực III	0079	353.570.700
92	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Gia Phúc	1144818	Phòng Giao dịch số 7 - KBNN Khu vực III	0079	461.101.000
93	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Trường Tân	1144817	Phòng Giao dịch số 7 - KBNN Khu vực III	0079	562.550.500
94	Văn phòng HĐND - UBND xã Tứ Kỳ	1144262	Phòng Giao dịch số 11 - KBNN Khu vực III	0083	609.510.100
95	Văn phòng HĐND - UBND xã Tân Kỳ	1144261	Phòng Giao dịch số 11 - KBNN Khu vực III	0083	542.530.300
96	Văn phòng HĐND - UBND xã Đại Sơn	1144259	Phòng Giao dịch số 11 - KBNN Khu vực III	0083	4.895.713.800
97	Văn phòng HĐND - UBND xã Chí Minh	1144257	Phòng Giao dịch số 11 - KBNN Khu vực III	0083	559.000.000
98	Văn phòng HĐND - UBND xã Lạc Phượng	1144256	Phòng Giao dịch số 11 - KBNN Khu vực III	0083	358.550.500
99	Văn phòng HĐND - UBND xã Nguyên Giáp	1144255	Phòng Giao dịch số 11 - KBNN Khu vực III	0083	405.060.600
100	Văn phòng HĐND - UBND xã Ninh Giang	1144253	Phòng Giao dịch số 11 - KBNN Khu vực III	0083	503.505.000
101	Văn phòng HĐND - UBND xã Vĩnh Lại	1144251	Phòng Giao dịch số 11 - KBNN Khu vực III	0083	524.550.500
102	Văn phòng HĐND - UBND xã Khúc Thừa Dụ	1144249	Phòng Giao dịch số 11 - KBNN Khu vực III	0083	437.853.500
103	Văn phòng HĐND - UBND xã Tân An	1144247	Phòng Giao dịch số 11 - KBNN Khu vực III	0083	285.161.600

TT	Tên đơn vị	Mã số ĐVSDNS	Địa điểm KBNN nơi đơn vị SDNS giao dịch	Mã KBNN	Kinh phí
104	Văn phòng HĐND - UBND xã Hồng Châu	1144245	Phòng Giao dịch số 11 - KBNN Khu vực III	0083	1.541.323.200
105	Văn phòng HĐND - UBND xã Thanh Miện	1144805	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN Khu vực III	0082	2.663.964.500
106	Văn phòng HĐND - UBND xã Bắc Thanh Miện	1144241	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN Khu vực III	0082	491.080.800
107	Văn phòng HĐND - UBND xã Hải Hưng	1144239	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN Khu vực III	0082	632.808.000
108	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Nguyễn Lương Bằng	1144802	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN Khu vực III	0082	1.613.010.000
109	Văn phòng HĐND - UBND xã Nam Thanh Miện	1144234	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN Khu vực III	0082	2.146.459.500
110	Văn phòng HĐND - UBND xã Phú Thái	1144469	Phòng Giao dịch số 9 - KBNN Khu vực III	0081	421.792.900
111	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Lai Khê	1144799	Phòng Giao dịch số 9 - KBNN Khu vực III	0081	468.631.300
112	Văn phòng HĐND - UBND xã An Thành	1144465	Phòng Giao dịch số 9 - KBNN Khu vực III	0081	179.631.300
113	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Kim Thành	1144797	Phòng Giao dịch số 9 - KBNN Khu vực III	0081	202.404.000
114	Văn phòng Sở	1134361	KBNN Khu vực III	0061	10.669.000.000